TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 65/2019/QĐST-VHNGĐ	*Sóc Trăng, ngày 25 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-VHNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về việc "Công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/. Người yêu cầu: Bà **Trần Thị T,** sinh năm 1995

Địa chỉ: Số 382/3A, đường T, khóm H, phường N, thành phố S, tỉnh S.

2/. Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Hoài H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số 347, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hoài H sống chung vào năm 2013 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 14/01/2014. Hôn nhân trên tình thần tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm về tiền bạc, do anh H thường xuyên đi nhậu, không chăm sóc vợ con dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng tình cảm vợ chồng không còn. Từ tháng 02/2019 đến nay bà T và ông H đã không còn sống chung như vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận

tình ly hôn của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hoài H.

[2]. Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hoài H thỏa thuận sau khi ly hôn, con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/4/2017 sẽ do bà Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Hoài H không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thoả thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hoài H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị T đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Ông Nguyễn Hoài H đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T, sinh năm 1995 và ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1990 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 02/4/2017 đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Hoài H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hoài H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hoài H trình bày: không có nên không yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hoài H trình bày: không có nên không yêu cầu.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị T đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Ông Nguyễn Hoài H đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007722 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng ông H đã nộp theo biên lai thu số 0007721 cùng ngày 15/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà T, ông H đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Tòa án nhân dân TST;
- UBND phường 6, TPST;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
Đã ký

Lý Bích Khiếm